

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Bản án số: 93/2017/HNGĐ –ST

Ngày: 21-11- 2017

V/v tranh chấp chia tài sản
sau khi ly hôn

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Minh Thê

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đắc Liệt

Ông Đặng Song Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyên, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hạnh, Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 21 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 589/2017/TLST-HN ngày 21/6/2017 về “Tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/QĐST-XX ngày 30/10/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 1965 (vắng mặt)
Địa chỉ: Đường A, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Đường A, phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị đơn: Bà Trịnh Thị Mỹ L, sinh năm 1965 (có mặt)
Địa chỉ: Đường A, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 25/5/2017 và quá trình tố tụng tại Tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Đình T trình bày: Ông Nguyễn Quốc H

và bà Trịnh Thị Mỹ L trước đây là vợ chồng, ngày 04/3/2011 ông H và bà L đã ly hôn theo Quyết định số 60/2011/QĐST-HN của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, tại Quyết định, về tài sản chung hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên tài sản chung của ông H và bà L được tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân chưa được chia. Trong thời kỳ hôn nhân ông Nguyễn Quốc H và bà Trịnh Thị Mỹ L tạo dựng được một căn nhà cấp 3, hạng A2, diện tích sàn xây dựng 135,52m² (một tầng trệt và một tầng lầu mái tôn, nhà chưa có giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở tại địa chỉ đường A, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu) xây dựng trên mảnh đất diện tích 99,5m², thuộc thửa đất số 155, tờ bản đồ số 13 tại Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, số vào sổ cấp GCN: CH-03455, cấp ngày 04/6/2012 (cấp lại của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 13/01/2006) của Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đứng tên ông Nguyễn Quốc H. Nguồn tiền để xây dựng căn nhà này là khoản tiền ông Nguyễn Quốc H được chia thừa kế theo biên bản thỏa thuận chia tài sản thừa kế ngày 02/4/2004, tuy nhiên ông H chấp nhận giá trị xây dựng căn nhà trên là tài sản chung của ông H và bà L. Đối với mảnh đất trên có nguồn gốc do ông Nguyễn Quốc H được thừa kế riêng từ cha mẹ ông H theo Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 13/9/2004 tại Phòng tư pháp thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, đây là tài sản ông H được thừa kế riêng của cha mẹ ông H trong thời kỳ hôn nhân nên là tài sản riêng của ông, ông H không đồng ý nhập vào tài sản chung của ông với bà L nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với diện tích đất này. Nay ông H yêu cầu bà L giao lại nhà đất trên cho ông H và ông H sẽ thanh toán lại toàn bộ giá trị căn nhà theo Biên bản định giá tài sản ngày 30/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản, ngoài ra ông H sẽ hỗ trợ thêm cho bà L 58.137.560đ (năm mươi tám triệu một trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm sáu mươi đồng), tổng cộng là 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng). Trong trường hợp bà L tự nguyện giao lại căn nhà trên cho ông H thì ông H sẽ giao cho bà Liên 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng).

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 10/7/2017, bản tự khai lập ngày 17/7/2017 cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Trịnh Thị Mỹ L trình bày: Bà và ông H xây dựng gia đình với nhau vào năm 1990 có một con chung là Nguyễn Huy B, sinh năm 1992, đến năm 2004 ông H mới được chia tài sản thừa kế là mảnh đất diện tích 99,5m², thuộc thửa đất số 155, tờ bản đồ số 13 tại Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, như vậy tại thời điểm ông H được chia di sản thừa kế thì bà vẫn là vợ hợp pháp của ông H nên theo bà tài sản mà ông Huy được hưởng thừa kế là tài sản chung của bà và ông H chứ không phải của một mình ông H, lý do trong văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế không có tên của bà là do thời điểm đó bà còn đi làm và mỗi gia đình chỉ đại diện một người lên làm việc với chính quyền chứ con dâu và con rể không đi. Sau khi ông H được chia di sản thừa kế là mảnh đất trên thì đó là tài sản chung của bà và ông H nên bà và ông H đã xây dựng căn nhà trên đó ở cho đến nay nên bà xác định cả nhà và đất là tài sản chung của bà và ông H được hình thành trong thời kỳ hôn nhân chứ không phải chỉ có nhà là tài sản

chung còn đất không phải là tài sản chung như lời trình bày của ông H. Khi ông H được chia thừa kế mảnh đất trên và xác định đó là tài sản riêng của ông H mà không phải là tài sản chung của bà với ông H thì bà sẽ không xây dựng nhà trên đất. Khi bà và ông H xây nhà trên đất để ở thì phía gia đình ông H không ai có ý kiến gì, điều này mặc nhiên họ đã công nhận đó là tài sản chung của bà với ông H. Đến ngày 04/3/2011 bà và ông H mới ly hôn theo Quyết định số 60/2011/QĐST-HN của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Sau khi ly hôn, bà cùng con trai vẫn ở trên căn nhà này, nay ông H khởi kiện ra Tòa yêu cầu chia tài sản chung là căn nhà và yêu cầu bà giao lại căn nhà trên cho ông H và ông H sẽ hoàn trả cho bà 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng) bà đồng ý lấy số tiền trên với điều kiện ông H phải giao lại căn nhà đó cho con trai của bà và ông H, ông H không đồng ý thì bà yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật, Tòa giải quyết như thế nào thì bà sẽ chấp nhận, bà không tranh chấp với ông H. Bà cũng không có điều kiện để lấy nhà, đất trên ở và giao lại tiền chênh lệch cho ông H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến : Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và Thư ký tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đương sự có mặt tại phiên tòa chấp hành tốt các quy định pháp luật tố tụng, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự. Về nội dung: Đề nghị Tòa án giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc H, công nhận sự tự nguyện của ông H về việc giao toàn bộ giá trị căn nhà cho bà L và hỗ trợ cho bà L 58.137.560đ (năm mươi tám triệu một trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm sáu mươi đồng), tổng cộng 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng), bà Liên phải có trách nhiệm giao lại căn nhà cấp 3, hạng A2, diện tích sàn xây dựng 135,52m² tại địa chỉ trên cho ông H.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì mới và cam kết không còn chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Quốc H và bà Trịnh Thị Mỹ L trước đây là vợ chồng, ngày 04/3/2011 bà L và ông H ly hôn theo Quyết định số 60/2011/QĐST-HN của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, trong Quyết định ly hôn, về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay ông H có tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung của ông và bà L được tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân trước đây chưa được chia nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình, quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn”; bà

Trịnh Thị Mỹ L có hộ khẩu thường trú tại đường A, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

[2] Về nội dung vụ án: Theo Quyết định số 60/2011/QĐST-HN ngày 04/3/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay ông Nguyễn Quốc H yêu cầu chia tài sản chung của ông và bà L đã tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân là một căn nhà cấp 3, hạng A2, diện tích sàn xây dựng 135,52m (một tầng trệt và một tầng lầu mái tôn, nhà chưa có giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở) xây dựng trên mảnh đất diện tích 99,5m², thuộc thửa đất số 155, tờ bản đồ số 13 tại Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, số vào sổ cấp GCN: CH-03455, cấp ngày 04/6/2012 (cấp lại của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 13/01/2006) của Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đứng tên ông Nguyễn Quốc H. Đối với mảnh đất là tài sản riêng của ông được hưởng di sản thừa kế theo Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế lập ngày 13/9/2004 nên đó là tài sản riêng của ông chứ không phải là tài sản chung của vợ chồng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy trong thời kỳ ông H và bà L là vợ chồng thì ngày 13/9/2004 ông H được chia di sản thừa kế là quyền sử dụng mảnh đất diện tích 99,5m² tại Phường M, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu sau đó được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Quốc H, năm 2004 ông H và bà L xây dựng 01 căn nhà cấp 3, hạng A2, diện tích sàn xây dựng 135,52m² (nhà chưa có giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở) để ở cho đến nay. Trong văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, người được thừa kế là ông Nguyễn Quốc H, sau đó ông H làm các thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2005 cũng một mình ông Huy đứng tên, đến năm 2006 nhà nước mới cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huy. Theo quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật hôn nhân và gia đình, xác định mảnh đất diện tích 99,5m² tại Phường B, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là tài sản riêng của ông Nguyễn Quốc H được hưởng thừa kế riêng trong thời kỳ hôn nhân. Bà Trịnh Thị Mỹ L cho rằng ông H được chia di sản thừa kế trong thời kỳ hôn nhân nên đó là tài sản chung của bà và ông H nhưng bà L không xuất trình được bất kỳ chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày này của bà và bà cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với diện tích đất này. Ông H và bà L cùng xác nhận căn nhà cấp 3 xây dựng trên đất vào năm 2004 là tài sản chung của ông H và bà L được tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân đến nay chưa chia nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy Hội đồng xét xử xác định trong thời kỳ ông H và bà L là vợ chồng đã tạo dựng được tài sản chung là một căn nhà cấp 3, hạng A2, diện tích sàn xây dựng 135,52m (nhà chưa có giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở), tại địa chỉ đường A, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Theo Biên bản định giá tài sản lập ngày 30/8/2017 xác định một căn nhà cấp 3, hạng A2, diện tích sàn xây dựng 135,52m², chất lượng còn lại là 35%, đơn giá là 4.045.000đ/01m², thành tiền là: 135,52 x 35% x 4.045.000đ = 191.862.440đ (một trăm chín mươi một triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm bốn mươi đồng). Như vậy khi còn là vợ chồng ông H và bà L đã tạo dựng được tài sản giá trị hiện nay còn lại là 191.862.440đ. Về nguyên tắc đây là tài sản chung của ông H và bà L nên sẽ chia theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay ông H tự nguyện giao lại cho bà L toàn bộ giá trị căn nhà là 191.862.440đ (một trăm chín mươi một triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm bốn mươi đồng) và ông H sẽ hỗ trợ thêm 58.137.560đ (năm mươi tám triệu một trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm sáu mươi đồng), tổng cộng 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng), bà L phải có trách nhiệm giao lại căn nhà trên cho ông H. Hội đồng xét xử xác định đây là sự tự nguyện của ông H nên chấp nhận. Buộc bà L phải giao lại cho ông H căn nhà cấp 3, hạng A2, diện tích sàn xây dựng 135,52m² (nhà chưa có giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở tại địa chỉ đường A, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu) xây dựng trên diện tích đất 99,5m², thuộc thửa đất số 155, tờ bản đồ số 13 tại Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

[3] Về chi phí định giá, thẩm định: Ông Nguyễn Quốc H đã tự nguyện nộp toàn bộ chi phí định giá, thẩm định 2.400.000đ (hai triệu bốn trăm nghìn đồng) và đã nộp đủ.

[4] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 33 và Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc H. Công nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Quốc H về việc giao lại cho bà Trịnh Thị Mỹ L toàn bộ giá trị căn nhà là 191.862.440đ (một trăm chín mươi một triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm bốn mươi đồng) và hỗ trợ 58.137.560đ (năm mươi tám triệu một trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm sáu mươi đồng), tổng cộng ông Nguyễn Quốc H phải thanh toán cho bà Trịnh Thị Mỹ L 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng). Bà Trịnh Thị Mỹ L có trách nhiệm giao lại căn nhà cấp 3, hạng A2, diện tích sàn xây dựng 135,52m², nhà chưa có giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, tại địa chỉ đường A, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cho ông Nguyễn Quốc H sở hữu.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không hoàn trả số tiền nêu trên cho bên được thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả thêm cho bên được thi hành án số tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Ông Nguyễn Quốc H nộp 12.500.000đ (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 3.125.000đ (ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0006731 ngày 19/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ông Nguyễn Quốc H còn phải nộp 9.375.000đ (chín triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Chi cục THADS T.P Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Minh Thể

